

# **CÁC YẾU TỐ ĐỘNG LỰC TRONG XẾP HẠNG ĐẠI HỌC VÀ SỰ CHỌN LỰA CỦA VIỆT NAM**

• **TSKH. PHẠM ĐỖ NHẬT TIẾN**

## **1. Đặt vấn đề**

Xếp hạng trường đại học khác với kiểm định chất lượng trường đại học. Kiểm định chất lượng trường đại học là việc đánh giá tổ chức và hoạt động của trường đại học trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn chất lượng đã được quy định. Kết quả kiểm định là việc công nhận hoặc không công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng. Vì vậy, việc kiểm định chất lượng có thể định tính hoặc định lượng.

Xếp hạng trường đại học là việc đánh giá bằng điểm số các hoạt động của nhà trường theo một số tiêu chí chọn trước. Các điểm số này cùng trọng số của chúng được tổ hợp lại để cho một điểm số cuối cùng về nhà trường. Kết quả của việc xếp hạng là chỉ ra vị trí của nhà trường trên thang xếp hạng. Vì vậy, việc xếp hạng trường đại học nhất thiết phải định lượng.

Việc xếp hạng trường đại học thoạt đầu chỉ hình thành trong phạm vi quốc gia. Nó ra đời ở Mỹ rồi lan rộng sang hàng loạt quốc gia khác. Điều đặc biệt đáng lưu tâm là trong mấy năm gần đây, cùng với tiến trình toàn cầu hoá là xu thế mở rộng từ xếp hạng quốc gia sang xếp hạng quốc tế. Vì thế, ngày nay xếp hạng đại học đã trở thành một hoạt động phổ biến và quan trọng trong giáo dục đại học, ở phạm vi quốc gia cũng như quốc tế. Các nghiên cứu khoa học về xếp hạng đại học cũng rất phong phú. Tuy nhiên, các nghiên cứu này tập trung chủ yếu vào động lực của quá trình xếp hạng tức là mô tả quá trình, các biểu hiện khác nhau cùng những tác động khác nhau của nó. Các yếu tố động lực của quá trình tức là những yếu tố làm nảy sinh và biến đổi quá trình còn ít được nghiên cứu.

Hiện nay, có rất nhiều kiểu xếp hạng đại học. Các kiểu xếp hạng này dường như đều hội tụ ở chỗ cho ra đời một bảng xếp hạng. Tuy nhiên, vai trò và tác động của các bảng xếp hạng là khác nhau. Nguyên nhân căn bản là ở chỗ mỗi kiểu xếp hạng đều có những yếu tố động lực khác nhau.

Các yếu tố động lực này đóng vai trò quan trọng trong việc giải thích kết quả và tác động xếp hạng. Vì thế, trong xếp hạng quốc gia cũng như

quốc tế, cần xác định các yếu tố động lực chủ yếu để làm cơ sở cho việc lựa chọn cách xếp hạng.

Trong bài viết này, chúng tôi cố gắng làm rõ một số yếu tố động lực trong xếp hạng đại học hiện nay trên thế giới. Để thuận tiện, trước hết cần làm rõ các loại trường đại học. Thực tế phân loại trường đại học trên thế giới khá đa dạng. Tuy nhiên, thông thường, người ta chia làm hai loại: university và college. Trong văn bản pháp quy của nước ta, có 3 loại trường đại học là đại học, học viện, trường đại học. Khái niệm đại học tương ứng với khái niệm university trên thế giới; còn khái niệm học viện và trường đại học có thể xếp tương ứng với khái niệm college. Trong bài viết này, các khái niệm đại học và trường đại học được sử dụng với sự phân biệt nêu trên. Trong trường hợp chung, sẽ sử dụng khái niệm cơ sở giáo dục đại học.

## **2. Động lực thị trường trong xếp hạng**

Cách đây 26 năm, tuần báo US News & World Report (USNWR) có sáng kiến đầu tiên trong việc xếp hạng các đại học và trường đại học Mỹ. Về cơ bản, đây là một chiều thức cạnh tranh trong một thị trường truyền thông rất khốc liệt ở Mỹ. Vì vậy, việc xếp hạng này nhắm tới một khối lượng độc giả đông đảo là học sinh, sinh viên (SV) và các bậc phụ huynh. Nó giúp cho lớp đối tượng này có một đánh giá tổng thể về cơ sở giáo dục đại học dựa trên thứ bậc của cơ sở đó trên thang xếp hạng. Điểm số xếp hạng được tổ hợp từ các tiêu chí liên quan đến 7 dữ liệu đầu vào (lương trung bình của giảng viên, tỉ lệ giảng viên toàn thời gian, văn bằng của giảng viên, điểm trắc nghiệm của SV, vị thế của trường trung học mà SV đã theo học, tỉ lệ nhập học và tỉ lệ chọi), 4 dữ liệu về quá trình (quy mô lớp học, tỉ lệ SV/giảng viên, chi phí đào tạo, các chi phí khác), 4 dữ liệu đầu ra (mức độ giữ chân được SV năm thứ nhất, tỉ lệ tốt nghiệp, giá trị gia tăng, hiến tặng của cựu SV). Bên cạnh các dữ liệu khách quan nói trên, còn phải tính đến một dữ liệu chủ quan là việc đánh giá danh tiếng nhà trường trên cơ sở thu thập ý kiến của các chủ tịch, hiệu trưởng và trưởng ban tuyển sinh của các trường khác (1).

Thành công của USNWR là đã đi đầu trong công tác xếp hạng phức tạp này, đã thiết lập được nguồn dữ liệu cốt lõi cho việc đánh giá các đại học và trường đại học Mỹ, đã cung cấp được thông tin minh bạch và cần thiết cho SV trong việc chọn trường. Vào cuối những năm 1990, bên cạnh bảng xếp hạng của USNWR, còn có nhiều bảng xếp hạng của các báo khác như Time, Money, Newsweek; tổng số ấn phẩm hàng năm lên tới 6-7 triệu bảng xếp hạng bán ra thị trường. Việc xếp hạng quốc gia đã thực sự trở thành một lĩnh vực kinh doanh hấp dẫn.

Ở Anh, từ năm 1992, báo The Times cũng công bố hàng năm bảng xếp hạng các đại học Anh dựa trên một số tiêu chí liên quan đến chất lượng giảng dạy, kết quả nghiên cứu khoa học, sự hài lòng của SV, điểm trung bình nhập học, tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỉ lệ SV khá giỏi, tỉ lệ SV kiếm được việc làm sau tốt nghiệp. Nhiều báo khác như The Guardian, Daily Telegraph, Financial Times... cũng công bố các bảng xếp hạng riêng tạo thành một thị trường cạnh tranh trong xếp hạng đại học.

Ngày nay, ở nhiều nước trên thế giới, việc xếp hạng đại học đã trở thành một bộ phận của đời sống đại học. Cơ quan thực hiện xếp hạng thường là các cơ quan truyền thông, hướng tới một thị trường tiêu thụ rộng lớn là học sinh, SV và các bậc phụ huynh.

Mặc dù còn nhiều tranh cãi về phương pháp luận và tác động mặt trái của việc xếp hạng đại học, nhưng tác dụng tích cực của nó đã khiến đại bộ phận các nhà chính trị và công chúng đi đến kết luận rằng giáo dục đại học cần tìm cách chung sống với việc xếp hạng.

### 3. Động lực quản lý trong xếp hạng

Cách xếp hạng nêu trên cũng phần nào phục vụ cho nhà quản lý trong việc thấy được điểm mạnh, điểm yếu của các cơ sở giáo dục đại học trong nước. Tuy nhiên, để phục vụ thiết thực cho nhà quản lý trong việc xây dựng chính sách, phân bổ kinh phí giáo dục, khuyến khích nâng cao chất lượng giáo dục đại học v.v..., cần có tiếp cận riêng trong xếp hạng đại học.

Ở Mỹ, Trung tâm Đo lường thành tích của đại học (thuộc đại học Florida) đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý đại học. Từ năm 2000, Trung tâm đưa ra cách tiếp cận khác biệt trong xếp hạng đại học nghiên cứu với mục đích tạo ra cứ liệu để từng đại học tự so sánh và đánh giá, từ đó tìm cách nâng cao kết quả hoạt động của mình trong bối cảnh cạnh tranh quốc gia. Theo

cách tiếp cận này, không có đại học số 1, chỉ có những đại học tốt nhất. Có 9 tiêu chí đánh giá được đưa ra liên quan đến kết quả giảng dạy, kết quả nghiên cứu, nguồn lực tài chính và đội ngũ giảng viên của nhà trường. Khoảng 600 đại học nghiên cứu được đưa vào đánh giá và xếp hạng theo từng tiêu chí. Trên cơ sở đó, hàng năm Trung tâm công bố bảng các đại học nghiên cứu hàng đầu của nước Mỹ (2). Theo đó, đại học nghiên cứu hàng đầu là đại học thuộc top 25 của một trong 9 tiêu chí, đồng thời là đại học nhận được trên 20 triệu USD tiền nghiên cứu khoa học do Liên bang cấp trên cơ sở cạnh tranh. Bảng công bố này được giới khoa học và quản lý đánh giá cao bởi tính khách quan của dữ liệu, tính minh bạch trong đánh giá, sự ổn định về phương pháp, tác động tích cực đối với quản lý đại học.

Để phục vụ cho việc xây dựng chính sách giáo dục, nguyệt san về chính trị và chính quyền - The Washington Monthly - cũng đưa ra từ năm 2005 cách xếp hạng mới trên nguyên tắc đánh giá các cơ sở giáo dục đại học đã đóng góp được gì cho đất nước về phương diện nghiên cứu khoa học, tiến bộ xã hội và đạo đức phục vụ.

Từ những góc độ quản lý khác nhau sẽ đưa ra những cách xếp hạng khác nhau. Chẳng hạn, để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của các đại học ở Úc, các học giả Williams và Van Dykes đã đưa ra bảng xếp hạng "Vị thế quốc tế của các đại học Úc" dựa trên 19 tiêu chí liên quan đến kết quả giảng dạy, thành tựu nghiên cứu khoa học, trong đó có tiêu chí đánh giá của hiệu trưởng các đại học danh tiếng nước ngoài về vị thế quốc tế của các đại học Úc (3). Ở Anh, để làm cơ sở tin cậy trong việc phân bổ kinh phí cho các cơ sở giáo dục đại học, đơn vị Research Assessment Exercise được giao nhiệm vụ xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học trên cơ sở cho điểm chất lượng kết quả nghiên cứu của cơ sở đó.

### 4. Động lực khoa học trong xếp hạng

Bảng xếp hạng quốc tế của Đại học Giao thông Thượng Hải (SJTU), công bố lần đầu năm 2003, mở đầu cho một hướng tiếp cận mới trong xếp hạng đại học, đó là cách tiếp cận phục vụ cho nhiệm vụ nghiên cứu khoa học về giáo dục. Nhiệm vụ này hình thành từ quyết tâm chính trị của các nhà lãnh đạo và giới đại học Trung Quốc muốn xây dựng một số đại học đẳng cấp quốc tế thông qua việc triển khai Đề án 985 vào năm 1998. Tuy nhiên, thế nào là đại học đẳng cấp quốc tế thì tuyệt nhiên không có câu trả lời cụ thể. Vì vậy, bài toán đặt ra là (4): Thế nào là đại học

đẳng cấp quốc tế? Trên thế giới có bao nhiêu đại học đẳng cấp quốc tế? Khoảng cách giữa các trường đại học hàng đầu của Trung Quốc với các trường đại học đẳng cấp quốc tế là bao xa? Làm thế nào để rút ngắn khoảng cách đó?

Các nhà khoa học của Đại học Giao thông Thượng Hải đã tìm cách trả lời các câu hỏi trên theo tinh thần khoa học thuần túy, tức là dựa trên các dữ liệu khách quan, tin cậy và so sánh được. Các tiêu chí ít nhiều chủ quan như chất lượng dạy và học, văn hoá nhà trường, cống hiến xã hội, chất lượng quản lí, không thuộc phạm vi các tiêu chí đánh giá. Vì vậy, việc đánh giá và so sánh chỉ còn dựa vào một chiều đo duy nhất là thành tựu khoa học của nhà trường. Bảng xếp hạng cũng chỉ ra điều đó với tên gọi cụ thể là "Xếp hạng học thuật các đại học thế giới", cùng 6 chỉ số là: 1/ Số cựu SV đoạt giải Nobel và Field (trọng số 10%); 2/ Số giảng viên đoạt giải Nobel và Field (20%); 3/ Số các nhà khoa học được trích dẫn nhiều (20%); 4/ Số bài báo khoa học công bố trên Nature và Science (20%); 5/ Số bài báo khoa học được đưa vào các danh mục trích dẫn SCIE, SSCI, AHCI (20%); 6/ Thành tựu khoa học tính theo đầu giảng viên toàn thời gian của nhà trường (10%). Với cách tiếp cận như trên, phạm vi khảo sát của SJTU thu lại đáng kể, chỉ đưa được vào cơ sở dữ liệu khoảng 1200 đại học trên toàn thế giới, với kết quả công bố hằng năm là bảng xếp hạng của top 500. Theo SJTU thì đại học đẳng cấp quốc tế là đại học thuộc top 100. Trung Quốc hiện chưa có đại học nào thuộc top 100, mới có 2 đại học hàng đầu thuộc top 200, 6 thuộc top 300, 15 thuộc top 400, 18 thuộc top 500.

Cách xếp hạng của SJTU gây tiếng vang lớn do tính minh bạch và khách quan khoa học của nó. Dĩ nhiên, khiếm khuyết lớn nhất của cách xếp hạng này là tính phiến diện và vì vậy, chính các cha đẻ của bảng xếp hạng này đã cảnh báo, cần lí giải và sử dụng kết quả xếp hạng một cách thận trọng. Để khắc phục khiếm khuyết trên, các nhà khoa học Trường Đại học Mỏ Quốc gia Paris (Ecole Nationale Supérieure des Mines de Paris, ENSMP) đã tiến hành xếp hạng theo một chiều đo khác là thành tựu đào tạo của nhà trường. Tiêu chí duy nhất được đưa vào đo lường là số cựu SV nhà trường được làm giám đốc điều hành (Chief Executive officer - CEO) hoặc tương đương tại một trong 500 công ty quốc tế hàng đầu. Dữ liệu cũng đảm bảo tính khách quan và kiểm tra được vì nó được lấy ra từ bảng xếp hạng Fortune Global 500 do tạp chí

Fortune công bố hằng năm. Như các nhà khoa học của ENSMP giải thích (5), tiêu chí đo lường của ENSMP tương tự tiêu chí đo lường dựa vào các cựu SV đoạt giải Nobel và Field của SJTU; sự khác biệt là ở chỗ bảng xếp hạng của ENSMP chỉ ra thành tựu đào tạo của các đại học. Bảng xếp hạng này mang tên "Xếp hạng chuyên môn các đại học thế giới" và được coi là bổ sung cho bảng "Xếp hạng học thuật các đại học thế giới" của SJTU. Kết quả xếp hạng cho thấy vai trò nổi trội của các đại học Nhật Bản: ở top 10 có 4 đại học Nhật Bản, 3 đại học Mĩ, 2 đại học Pháp và 1 đại học Anh.

### 5. Động lực hội nhập quốc tế trong xếp hạng

Cũng lấy đối tượng khảo sát là các đại học đẳng cấp quốc tế, tạp chí The Times Higher Education phối hợp với công ty giáo dục QS (THE-QS) chủ trương một sự đánh giá toàn diện hơn. Các nhà xếp hạng của THE-QS cho rằng đại học đẳng cấp quốc tế không chỉ được đặc trưng bởi một chiều đo duy nhất là thành tựu nghiên cứu khoa học, mà phải dựa trên 4 cột đỡ chính là chất lượng giảng dạy, chất lượng nghiên cứu, khả năng làm việc sau tốt nghiệp, vai trò quốc tế. Vì vậy, THE-QS đưa ra 6 tiêu chí cùng các trọng số như sau: 1/ Ý kiến đánh giá đồng cấp (trọng số 40%); 2/ Ý kiến đánh giá của các nhà tuyển dụng toàn cầu (10%); 3/ Tỷ lệ SV/ giảng viên (20%); 4/ Số trích dẫn các bài báo khoa học tính theo đầu giảng viên (20%); 5/ Tỷ lệ giảng viên nước ngoài trong đội ngũ giảng viên (5%); 6/ Tỷ lệ học viên nước ngoài trong đội ngũ học viên (5%) (6). Cách xếp hạng này cùng kết quả công bố hằng năm của nó, được nhiều nhà giáo dục của khối các nước nói tiếng Anh hoan nghênh vì cho rằng đã khắc phục được cách tiếp cận một chiều của nhiều bảng xếp hạng khác. Tuy nhiên, nguyên nhân sâu xa là ở chỗ cách xếp hạng này thiên vị rõ rệt các nước có sự phát triển mạnh mẽ trong giáo dục xuyên biên giới. Đó là các nước như Mĩ, Anh, Úc, New Zealand, Malaysia...; các nước này có ưu thế trong tiêu chí 5 và 6, đồng thời thông qua quá trình hội nhập quốc tế về giáo dục được các chuyên gia đánh giá biết đến nhiều hơn (cần chú ý rằng năm 2006, trong 190.000 phiếu hỏi do THE gửi đi, chỉ có 1.600 phiếu trả lời, tức là dưới 1%). Vì thế, bảng xếp hạng của THE-QS bị phê phán gay gắt trên hai phương diện: thiếu minh bạch và dễ bị chi phối bởi ấn tượng chủ quan của người đánh giá. Một số học giả cho rằng đây là một kiểu



đánh giá tối tệ, không tin cậy, phục vụ chủ yếu cho nhu cầu đẩy mạnh giáo dục xuyên biên giới. Mặc dù vậy, từ năm 2004 đến nay, THE-QS vẫn công bố đều đặn bảng xếp hạng hàng năm của các top 100, top 200... trong tổng số khoảng 600 đại học thế giới được đưa vào xếp hạng.

Học tập cách đánh giá khách quan của SJTU, nhưng vẫn với động lực tăng cường hội nhập quốc tế về giáo dục như THE-QS, tạp chí Newsweek đưa ra cách tiếp cận mới: một mặt sử dụng các tiêu chí đánh giá của SJTU về thành tựu nghiên cứu khoa học; mặt khác sử dụng các tiêu chí đánh giá của THE-QS về chất lượng giảng dạy và quan hệ quốc tế; đồng thời đưa thêm vào một tiêu chí là số đầu sách thư viện. Cách đánh giá này cũng chỉ dựa trên các dữ liệu khách quan, kiểm tra được. Nó có định hướng rõ ràng là xếp hạng các đại học theo những chiều đo cơ bản trong hội nhập quốc tế là tính mở của nhà trường, tính đa dạng của chương trình đào tạo và tính ưu tú trong nghiên cứu khoa học. Từ năm 2006 tới nay, Newsweek cũng công bố hàng năm bảng xếp hạng top 100 các đại học toàn cầu (7).

### 6. Động lực phát triển web trong xếp hạng

Labô đo lường máy tính Cybermetrics Lab thuộc Hội đồng Nghiên cứu quốc gia Tây Ban Nha có nhiệm vụ theo dõi tiến bộ khoa học và công nghệ qua web. Các nhà khoa học của labô này cho rằng trong thế giới nối mạng ngày nay, chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học phải được thể hiện qua các báo cáo và tài liệu khoa học công bố trên web nhà trường. Các đại học và trường đại học có trách nhiệm phát triển web, thông qua đó cung cấp thông tin minh bạch về hoạt động toàn diện của nhà trường, tạo cơ hội mở để công chúng, doanh nghiệp, các nhà quản lí, các nhà khoa học tiếp cận các báo cáo thống kê, tài liệu giảng dạy, bài báo khoa học của nhà trường.

Vì thế Cybermetrics Lab, từ năm 2004, đã đưa ra một cách xếp hạng mới với chủ trương đánh giá các cơ sở giáo dục đại học thông qua chiều đo web. Các tiêu chí đánh giá là: 1/ Kích thước (tức là số trang web thuộc miền web của nhà trường, trọng số 20%); 2/ Khả năng nhận diện (tức là số kết nối bên ngoài để truy cập vào web của trường, 50%); 3/ Các files giàu (tức là số các files dưới dạng pdf, ps, doc, ppt, 15%); 4/ Thư tịch nghiên cứu (tức là số báo cáo khoa học, bài báo khoa học và các tài liệu học thuật khác công bố trên mạng, 15%). Tất cả các cơ sở giáo

dục đại học, miễn là có sự hiện diện web, đều được đưa vào xem xét, xếp hạng. Với mức độ phủ rộng như vậy, Webometrics đưa được vào diện khảo sát tới hơn 16.000 cơ sở giáo dục đại học thuộc 191 nước và lãnh thổ, hàng năm 2 lần công bố bảng xếp hạng top 4000. Trong năm 2009, Việt Nam có 89 cơ sở giáo dục đại học được đưa vào cơ sở dữ liệu của Webometrics, trong đó 17 được xếp hạng với vị trí rất khiêm tốn. Thứ hạng cao nhất là Trường đại học Bách khoa Tp Hồ Chí Minh (hạng 1522), thấp nhất là Trường Đại học Kỹ thuật công nghệ TP Hồ Chí Minh (hạng 4986).

Cách xếp hạng webometrics có ưu thế nổi trội ở chỗ tạo ra sân chơi cho hầu hết mọi cơ sở giáo dục đại học trên thế giới. Nếu trong các bảng xếp hạng của SJTU hoặc THE-QS, đại học của các nước đang phát triển khó chen chân vào thì với webometrics, khá nhiều cơ sở giáo dục đại học của các nước đang phát triển được biết đến. Chất lượng của bảng xếp hạng cũng được đánh giá cao, tính theo chiều đo web của nó, cũng như tính theo xu thế thâm nhập ngày càng mạnh của ICT vào đời sống giáo dục. Ở một số nước hiện nay, chính SV cũng có thể sử dụng phương pháp luận webometrics để tự đánh giá và xếp hạng các trường đại học của nước mình theo chiều đo web. Trên phương diện quốc tế đã hình thành một công cụ tìm kiếm mới là 4 International Colleges and Universities (4icu.org Web Popularity Ranking) để giúp những ai quan tâm có thể biết đến các cơ sở giáo dục đại học đã được kiểm nhận hoặc được công nhận tại 200 nước trên thế giới thông qua mức độ có tiếng về web của cơ sở giáo dục đó. Điều đáng quan tâm là trong bảng xếp hạng 2009 của công cụ tìm kiếm này, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh được xếp ở vị trí 58 trong top 200, trên rất nhiều đại học danh tiếng thế giới như Đại học Stanford (Mĩ), Đại học Cornell (Mĩ), Đại học Toronto (Canada), Đại học Bologna (Ý)...

(Còn nữa)

### SUMMARY

*Analyzing the dynamics of university and college rankings, it is shown in this article there are different dynamical factors underlying the development of rankings, such as market factor, management factor, science factor, international integration factor, web development factor. The choice of a specific dynamical factor entails the choice of methods, indicators, and their weighting. Based on that analysis, the choice of college and university rankings in Vietnam is discussed.*